

Số: *HH*/QĐ-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về việc Ban hành Quy chế Quản trị nội bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, do Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2006;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng Công ty cổ phần Phong Phú, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/01/2009;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Phong Phú ngày 25/6/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản trị nội bộ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú.

Điều 2. Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị Tổng Công ty tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế nhằm bổ sung và hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tiễn của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng quản trị; Cơ quan Tổng Giám đốc; Các Phòng, Ban, Hệ thống sản xuất trực thuộc Tổng Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Quang Nghị

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Ban hành theo Quyết định số 44/QĐ-HĐQT ngày 26/6/2014
của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú

MỤC LỤC

Chương I.	Quy định chung.....	3
Điều 1.	Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2.	Giải thích thuật ngữ	3
Điều 3.	Nguyên tắc quản trị Tổng Công ty	4
Chương II.	Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông.....	5
Điều 4.	Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	5
Điều 5.	Đối xử công bằng giữa các cổ đông	6
Điều 6.	Cổ đông lớn	6
Điều 7.	Họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	6
Điều 8.	Chương trình họp ĐHĐCĐ	7
Chương III.	Hội đồng quản trị.....	8
Điều 9.	Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu của HĐQT.....	8
Điều 10.	Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	8
Điều 11.	Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	9
Điều 12.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT ..	11
Điều 13.	Họp HĐQT	12
Điều 14.	Thù lao HĐQT.....	13
Điều 15.	Thư ký Tổng Công ty.....	13
Chương IV.	Ban kiểm soát.....	14
Điều 16.	Thành phần, nhiệm kỳ của BKS.....	14
Điều 17.	Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.....	14
Điều 18.	Quyền và nhiệm vụ của BKS	14
Điều 19.	Tổ chức hoạt động kiểm soát	15
Điều 20.	Quyền tiếp cận thông tin của BKS	15
Điều 21.	Thù lao của BKS.....	16
Chương V.	Tổ chức bộ máy quản lý Tổng Công ty.....	16
Điều 22.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	16
Điều 23.	Tiêu chuẩn lựa chọn các Cán bộ quản lý.....	16
Điều 24.	Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.....	17
Chương VI.	Mối quan hệ làm việc giữa HĐQT - BKS - TGD.....	18
Điều 25.	Mối quan hệ làm việc của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 26.	Mối quan hệ làm việc của Ban kiểm soát	18

Điều 27.	Mối quan hệ làm việc của Tổng Giám đốc	19
Điều 28.	Chế độ hội họp, báo cáo.....	20
Điều 29.	Ủy quyền giải quyết công việc	20
Chương VII.	Kiểm soát nội bộ, ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	20
Điều 30.	Kiểm soát nội bộ.....	20
Điều 31.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý	21
Điều 32.	Giao dịch với người có liên quan	21
Điều 33.	Đảm bảo quyền lợi của các bên có liên quan đến Tổng Công ty.....	22
Chương VIII.	Công bố thông tin và minh bạch	22
Điều 34.	Công bố thông tin thường xuyên.....	22
Điều 35.	Công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty.....	22
Điều 36.	Công bố thông tin về các cổ đông lớn	23
Điều 37.	Tổ chức công bố thông tin.....	23
Điều 38.	Bảo mật thông tin.....	24
Chương IX.	Cơ chế giám sát và xử lý vi phạm.....	24
Điều 39.	Giám sát.....	24
Điều 40.	Xử lý vi phạm.....	24
Chương X.	Điều khoản thi hành.....	25
Điều 41.	Tổ chức thi hành	25
Điều 42.	Sửa đổi, bổ sung	25

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

- 1.1. Quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú ("*Tổng Công ty*") được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan về quản trị công ty nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng Công ty ("*Quy chế*"). Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi những quy định của Điều lệ Tổng Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- 1.2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Tổng Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Cán bộ quản lý của Tổng Công ty. Đồng thời, quy định trình tự, thủ tục ban hành các quyết định trong Tổng Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro và những thiệt hại không cần thiết cho Tổng Công ty. Thông qua Quy chế này Tổng Công ty được điều hành hiệu quả và việc kiểm soát quản trị nội bộ Tổng Công ty được công khai và minh bạch.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

- 2.1. Trừ khi được định nghĩa rõ ràng khác đi trong Quy chế này, những thuật ngữ và chữ viết tắt được sử dụng trong Quy chế này sẽ được hiểu như sau:
 - (a) "*Quản trị Tổng Công ty*" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng Công ty.
 - (b) "*Tổng Công ty*" là Tổng Công ty cổ phần Phong Phú.
 - (c) "*Điều lệ*" là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Phong Phú, bao gồm mọi sửa đổi được ký kết hợp lệ tại từng thời điểm.
 - (d) "*Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)*" là gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.
 - (e) "*Hội đồng quản trị (HDQT)*" là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ và chịu trách nhiệm quản lý Tổng Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.
 - (f) "*Thành viên HDQT độc lập*" là thành viên HDQT đáp ứng các điều kiện sau:
 - Là thành viên HDQT không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các Cán bộ quản lý khác được HDQT bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên HDQT, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát;

- Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn Tổng Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng Công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Tổng Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Tổng Công ty trong hai (02) năm gần nhất.
- (g) “*Ban kiểm soát (BKS)*” là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT, Cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- (h) “*Cổ đông lớn*” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty theo quy định tại Khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- (i) “*Cán bộ quản lý*” gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện Tổng Công ty và các chức danh quản lý quan trọng khác do HĐQT bổ nhiệm.
- (j) “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến Tổng Công ty trong các trường hợp được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, và/hoặc quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
- (k) “*Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)*” gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành.
- 2.2. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Quy chế này.
- 2.3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.
- 2.4. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị Tổng Công ty

Nhằm đảm bảo cho Tổng Công ty điều hành và kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Tổng Công ty, Quản trị Tổng Công ty phải đảm bảo các nguyên tắc:

- 3.1. Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành;
- 3.2. Đảm bảo cơ cấu quản trị có hiệu quả;
- 3.3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- 3.4. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- 3.5. Đảm bảo không xung đột quyền lợi với những Người có liên quan đến Tổng Công ty;

- 3.6. Minh bạch trong hoạt động của Tổng Công ty;
- 3.7. HĐQT, Tổng Giám đốc, BKS lãnh đạo, điều hành và kiểm soát Tổng Công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

- 4.1. Các quyền, nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 Điều lệ và có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật, đặc biệt là:
 - (a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ cổ đông của Tổng Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (b) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tổng Công ty;
 - (c) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - (d) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tổng Công ty.
- 4.2. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Các đại diện được ủy quyền thực hiện theo Điều 17 Điều lệ. Mẫu giấy ủy quyền được gửi cho cổ đông kèm tài liệu tham dự ĐHĐCĐ và được công bố trên website của Tổng Công ty (www.phongphucorp.com).
 - (a) Ủy quyền biểu quyết: cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ và biểu quyết. Việc ủy quyền biểu quyết sẽ hết hiệu lực ngay sau khi kết thúc ĐHĐCĐ. Người được ủy quyền trong trường hợp này được gọi là ủy quyền biểu quyết.
 - (b) Ủy quyền sở hữu: cổ đông ủy quyền cho người khác thực hiện tất cả các quyền liên quan đến cổ phần của mình, bao gồm: tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS; nhận cổ tức và các quyền khác. Người được ủy quyền trong trường hợp này được gọi là ủy quyền sở hữu.
- 4.3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại đến Tổng Công ty, HĐQT,

BKS, Ban TGD phải đền bù cho Tổng Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Tổng Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

- 4.4. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 5. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

- 5.1. Tổng Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Tổng Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

- (a) Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ quy định;
- (b) Cổ đông được đối xử công bằng.

- 5.2. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 6. Cổ đông lớn

- 6.1. HĐQT phải xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
- 6.2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông khác.
- 6.3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hợp đại hội cổ đông thường niên và bất thường

- 7.1. Tổng Công ty phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ, gồm các nội dung chính sau:

- (a) Thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
- (b) Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
- (c) Cách thức bỏ phiếu;
- (d) Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Tổng Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
- (e) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- (f) Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ;
- (g) Lập biên bản ĐHĐCĐ;
- (h) Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;
- (i) Các vấn đề khác.

- 7.2. HĐQT sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

- 7.3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có thể ủy quyền cho HĐQT hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Tổng Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
- 7.4. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề kiểm toán.
- 7.5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp ĐHĐCĐ, Tổng Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất.
- 7.6. Hàng năm Tổng Công ty phải tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- 7.7. Trường hợp thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải tuân thủ các nguyên tắc, trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 22 Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

Chương trình họp ĐHĐCĐ bao gồm những nội dung sau:

- 8.1. Thủ tục đăng ký và thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ;
- 8.2. Khai mạc ĐHĐCĐ, thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu;
- 8.3. Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm tài chính;
- 8.4. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kế tiếp;
- 8.5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong năm tài chính;
- 8.6. Báo cáo hoạt động của BKS trong năm tài chính;
- 8.7. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức trong năm tài chính;
- 8.8. Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS trong năm tài chính và kế hoạch cho năm tài chính kế tiếp;
- 8.9. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính kế tiếp;
- 8.10. Các vấn đề khác cần được thông qua tại ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp;
- 8.11. Bế mạc ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị

- 9.1. HĐQT gồm năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là năm (05) năm và được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế theo phương thức bầu dồn phiếu. Việc thay thế thành viên HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong HĐQT mới có ít nhất hai (02) thành viên cũ.
- 9.2. Cơ cấu thành phần HĐQT phải đảm bảo thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 9.3. Cơ cấu tổ chức của HĐQT gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, các thành viên HĐQT và các tiểu ban trực thuộc HĐQT do HĐQT quyết định thành lập để giúp việc cho HĐQT.

Điều 10. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

- 10.1. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT được quy định tại Khoản 6 Điều 23 Điều lệ.
- 10.2. Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên HĐQT:
 - Cá nhân có đầy đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
 - Việc đề cử hoặc tự ứng cử được thực hiện bằng văn bản theo mẫu do Tổng Công ty quy định và phải gửi về trụ sở chính Tổng Công ty chậm nhất bảy (07) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.
 - Trường hợp tự ứng cử, đề cử tại ĐHĐCĐ cũng phải thực hiện bằng văn bản và phải được ĐHĐCĐ thông qua.
 - Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các công ty, đơn vị mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - Lợi ích liên quan tới Tổng Công ty (nếu có).
 - Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

10.3. Cách thức bầu thành viên HĐQT:

- Thành viên HĐQT được bầu theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ sẽ có một phiếu bầu thành viên HĐQT có ghi mã số của cổ đông, số cổ phần mà cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện, số quyền biểu quyết mà cổ đông có.
- Mỗi cổ đông sẽ có tổng số quyền biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu và/hoặc đại diện nhân với (x) số thành viên HĐQT sẽ phải bầu tại ĐHĐCĐ. Khi bầu, cổ đông có toàn quyền quyết định mức chia tỷ lệ biểu quyết này, hoặc có thể dồn hết cho một thành viên HĐQT, hoặc chia đều, hoặc chia theo tỷ lệ khác sao cho tổng số quyền biểu quyết mà mình phân phối cho số thành viên HĐQT phải bầu tại ĐHĐCĐ không quá tổng số quyền biểu quyết mà mình có. Ứng viên trúng cử HĐQT phải đạt tỷ lệ phiếu ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại ĐHĐCĐ.
- Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT tại Khoản 1 Điều 23 Điều lệ, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu của ĐHĐCĐ, chọn ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất từ trên xuống đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT quy định.
- Trường hợp phải lựa chọn một (01) trong hai (02) ứng viên có tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau, thì việc lựa chọn sẽ thực hiện theo Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi bầu cử hoặc do Chủ tịch đoàn quyết định theo phương thức mà ĐHĐCĐ cho là phù hợp.
- Khi có kết quả bầu cử, HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch HĐQT. Việc bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện theo nguyên tắc biểu quyết và quyết định theo đa số.

10.4. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 24 Điều lệ.

10.5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thông qua quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng Công ty phải công bố thông tin bất thường ra công chúng. Hình thức công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

11.1. HĐQT thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 25 Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Những vấn đề sau đây thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT hoặc phải có sự phê duyệt của HĐQT, cụ thể:

- (a) Đề xuất chiến lược phát triển dài hạn trình ĐHĐCĐ thông qua. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- (b) Quyết định chiến lược phát triển/kế hoạch sản xuất kinh doanh/kế hoạch đầu tư/kế hoạch tài chính hàng năm và trung hạn của Tổng Công ty;
- (c) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng Công ty;
- (d) Quyết định thành lập hoặc chấm dứt hoạt động các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- (e) Quyết định việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- (f) Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường;
- (g) Bổ nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức thu nhập và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có);
- (h) Bổ nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức thu nhập đối với các chức danh quản lý: Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, các chức danh quản lý quan trọng khác... theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có);
- (i) Cử người đại diện quản lý phần vốn Tổng Công ty tại các công ty con, công ty liên kết và bãi miễn tư cách đại diện;
- (j) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại hoặc luật sư của Tổng Công ty;
- (k) Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời. Quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức;
- (l) Đề xuất các loại cổ phiếu, trái phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu, trái phiếu có thể phát hành theo từng loại;
- (m) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- (n) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ uỷ quyền;
- (o) Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Cán bộ quản lý đó;
- (p) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa

- đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh) quy định tại Khoản 2 Điều 120 Luật doanh nghiệp;
- (q) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (r) Việc Tổng Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty.
 - (s) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT thấy cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
- 11.2. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo. Các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân trong phạm vi quyền hạn của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ, trước pháp luật về các quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
- 11.3. HĐQT thực hiện trình tự, thủ tục lựa chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ quản lý theo quy định tại Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm Cán bộ quản lý của Tổng Công ty.
- 11.4. HĐQT xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD, các tiểu ban trực thuộc HĐQT và các Cán bộ quản lý, làm cơ sở đánh giá định kỳ hàng năm hoặc theo nhiệm kỳ.
- 11.5. HĐQT báo cáo hoạt động trong năm tài chính trước ĐHCĐ, nội dung báo cáo tối thiểu gồm các nội dung sau:
- (a) Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty;
 - (b) Hoạt động của HĐQT;
 - (c) Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT;
 - (d) Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác;
 - (e) Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.
- 11.6. Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm, bãi nhiệm không được miễn trách nhiệm bồi thường về những hành động mà họ đã thực hiện hoặc những quyết định mà họ đã đưa ra trong thời gian đương nhiệm.
- 11.7. Các thành viên HĐQT được mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.
- Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch, Phó chủ tịch và thành viên HĐQT**
- 12.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT:
- Chủ tịch HĐQT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Điều lệ và Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- (b) Tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- (c) Tổ chức việc thông qua các quyết định theo thẩm quyền của HĐQT;
- (d) Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- (e) Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;
- (f) Triệu tập Ban TGD họp theo định kỳ hoặc đột xuất để nghe báo cáo kết quả điều hành và hỗ trợ giải quyết những vấn đề phát sinh kịp thời cùng với Ban Tổng Giám đốc;
- (g) Thay mặt HĐQT ký các văn bản, tài liệu thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- (h) Tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT sau khi kết thúc năm tài chính hoặc kết thúc nhiệm kỳ;
- (i) Tuân thủ nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý bao gồm trách nhiệm cẩn trọng; trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi; trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

12.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT:

- (a) Thay mặt Chủ tịch HĐQT thực hiện các công việc đã được Chủ tịch HĐQT phân công hoặc ủy quyền;
- (b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt mà không ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT theo quy định tại Điều lệ.

12.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT:

- (a) Thành viên HĐQT thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ;
- (b) Trực tiếp phụ trách một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty hoặc thực hiện một số công việc có tính chất chuyên đề theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT;
- (c) Tham gia dự thảo các nội dung họp HĐQT để đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- (d) Tham dự các cuộc họp HĐQT. Thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về những ý kiến của mình;
- (e) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động của Tổng Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 13. Hợp Hội đồng quản trị

- 13.1. HĐQT tổ chức họp theo đúng trình tự quy định tại Điều 27 Điều lệ. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan phải được thông báo trước cho các thành viên HĐQT và Trường BKS ít nhất bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp.

- 13.2. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Trường hợp vắng mặt phải thông báo đến Chủ tịch HĐQT và ủy quyền cho một thành viên HĐQT biểu quyết trong cuộc họp hoặc gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản đến Chủ tịch HĐQT hoặc Thư ký Tổng Công ty chậm nhất một (01) ngày trước thời gian họp dự kiến. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 13.3. Sổ biên bản hoặc Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham dự phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp.
- 13.4. Biên bản và các nghị quyết của HĐQT phải được ban hành và gửi đến tất cả các thành viên HĐQT và BKS. Biên bản, nghị quyết và các báo cáo, tài liệu liên quan đến cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở của Tổng Công ty.

Điều 14. Thù lao Hội đồng quản trị

- 14.1. Thù lao HĐQT được ĐHCĐ thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho Cổ đông.
- 14.2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh quản lý khác thì ngoài thù lao HĐQT sẽ nhận thêm lương, phụ cấp, các khoản lợi ích khác theo quy định của Tổng Công ty.
- 14.3. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Tổng Công ty đã thanh toán cho các thành viên HĐQT sẽ được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

Điều 15. Thư ký Tổng Công ty

- 15.1. Để hỗ trợ cho hoạt động của HĐQT Tổng Công ty đạt hiệu quả, HĐQT chỉ định ít nhất một người đủ tiêu chuẩn làm Thư ký Tổng Công ty.
- 15.2. Tiêu chuẩn Thư ký Tổng Công ty:
 - (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Hiểu biết pháp luật;
 - (c) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán đang kiểm toán Tổng Công ty.
- 15.3. Chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Tổng Công ty:
 - (a) Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc của Trưởng BKS;
 - (b) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
 - (c) Tham gia và lập biên bản các cuộc họp;
 - (d) Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp pháp luật;
 - (e) Cung cấp các thông tin, bản sao biên bản họp, nghị quyết của HĐQT cho các thành viên HĐQT và BKS;
 - (f) Tiếp nhận, báo cáo và phản hồi lại các vấn đề do cổ đông đặt ra.

- 15.4. Thư ký Tổng Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Thành phần, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

- 16.1. BKS gồm ba (03) thành viên do HĐQT bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Nhiệm kỳ của BKS là năm (05) năm và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
- 16.2. Trong số các thành viên BKS, ít nhất phải có một (01) thành viên có chuyên môn tài chính, kế toán hoặc kiểm toán. BKS bầu một trong số các thành viên làm Trưởng BKS.

Điều 17. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 17.1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Điều lệ và không được giữ các chức vụ quản lý trong Tổng Công ty.
- 17.2. Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.
- 17.3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Trưởng BKS:
- (a) Đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 17.1 Điều này;
 - (b) Có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận tài chính kế toán của Tổng Công ty.
- 17.4. Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 6 Điều 33 Điều lệ và Điều 127 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- 18.1. BKS thực hiện các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 32 Điều lệ, Điều 123 Luật Doanh nghiệp.
- 18.2. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông Tổng Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Tổng Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý Tổng Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty và cổ đông.
- 18.3. BKS họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký Tổng Công ty và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Tổng Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS đối với các nghị quyết của BKS.
- 18.4. BKS có thể mời thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và thành viên Kiểm toán độc lập tham gia các cuộc họp của BKS để làm rõ các vấn đề mà BKS quan tâm.

18.5. BKS chịu trách nhiệm báo cáo hoạt động kiểm soát trong năm tài chính tại ĐHĐCĐ. Nội dung báo cáo tối thiểu bao gồm những nội dung sau:

- (a) Hoạt động của BKS;
- (b) Tổng kết các cuộc họp của BKS và các quyết định của BKS;
- (c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty;
- (d) Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD và các Cán bộ quản lý khác;
- (e) Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và cổ đông.

18.6. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- (a) Thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Điều lệ;
- (b) Đại diện cho BKS họp với bên thứ ba (khi cần thiết);
- (c) Phối hợp làm việc với Chủ tịch HĐQT.

Điều 19. Tổ chức hoạt động kiểm soát

19.1. Hoạt động của BKS phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, chấp hành đúng pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ.

19.2. BKS thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua việc tổ chức kiểm soát:

- (a) Kiểm soát trước: là tích cực tham gia với HĐQT, Ban TGD để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và mang lại hiệu quả cao nhất cho Tổng Công ty.
- (b) Kiểm soát trong: là theo dõi, giám sát Tổng Giám đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế do HĐQT ban hành và việc áp dụng chế độ pháp luật nhà nước trong hoạt động của Tổng Công ty. Thông qua kiểm tra, giám sát phát hiện những nội dung không phù hợp, trao đổi với HĐQT và đề ra các biện pháp khắc phục.
- (c) Kiểm soát sau: là kiểm soát các công việc đã phát sinh gồm: kiểm tra sổ sách kế toán tài chính định kỳ hoặc đột xuất; kiểm tra các vụ việc theo đơn, thư tố giác (nếu có) hay đề nghị của các cổ đông, người lao động hoặc khách hàng liên quan đến hoạt động của HĐQT, Ban TGD Tổng Công ty.

Điều 20. Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát

20.1. BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty. Thành viên HĐQT, Ban TGD và các Cán bộ quản lý có nghĩa vụ cung cấp các thông tin theo yêu cầu của BKS.

20.2. BKS có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 21. Thù lao của Ban kiểm soát

Thù lao BKS được ĐHCĐ thông qua hàng năm và công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

**CHƯƠNG V
TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY****Điều 22. Tổ chức bộ máy quản lý**

- 22.1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Tổng Công ty, ban hành các quy chế quản trị để quản trị và giám sát hoạt động của bộ máy quản lý điều hành của Tổng Công ty. HĐQT là cơ quan trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc chấp thuận từ chức của các Cán bộ quản lý.
- 22.2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình HĐQT phê chuẩn cơ cấu tổ chức, cơ cấu nhân sự quản lý phù hợp với hoạt động của Tổng Công ty.
- 22.3. Thành viên HĐQT có thể đồng thời là Cán bộ quản lý và phải được HĐQT thông qua bằng nghị quyết.
- 22.4. Tổng Giám đốc có quyền đề xuất và giới thiệu cho HĐQT để HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm các Cán bộ quản lý khác tại Tổng Công ty.

Điều 23. Tiêu chuẩn lựa chọn các Cán bộ quản lý

- 23.1. Tiêu chuẩn là ứng viên Tổng Giám đốc: đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ.
- 23.2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng:
 - (a) Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định tại Điều 51 Luật Kế toán;
 - (b) Có phẩm chất đạo đức, trung thực, có ý thức chấp hành quy định, chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và của Tổng Công ty;
 - (c) Phải có chuyên môn nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất năm (05) năm và có chứng chỉ Kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật về kế toán;
 - (d) Do Tổng Giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho HĐQT.
- 23.3. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm các Cán bộ quản lý khác:
 - (a) Có phẩm chất đạo đức, có ý thức chấp hành pháp luật và quy định của Tổng Công ty;
 - (b) Có trình độ chuyên môn trong một hoặc một số các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công;
 - (c) Do Tổng Giám đốc lựa chọn và giới thiệu cho HĐQT.

Điều 24. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và theo quy định của Quy chế này, cụ thể như sau:

- 24.1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- 24.2. Thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính của Tổng Công ty đã được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua;
- 24.3. Quyết định các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền mà các vấn đề đó không cần phải có nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT;
- 24.4. Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày tại Tổng Công ty. Thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và hợp đồng thương mại;
- 24.5. Trước 45 ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch chi tiết về sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với nguồn lực và chiến lược phát triển của Tổng Công ty.
- 24.6. Phê duyệt các dự án/phương án đầu tư của Tổng Công ty theo ủy quyền của HĐQT;
- 24.7. Lựa chọn, đề xuất với HĐQT xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm các Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT và tư vấn đề HĐQT quyết định mức thu nhập và các lợi ích khác của họ;
- 24.8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- 24.9. Quyết định số lượng, mức lương, trợ cấp, lợi ích khác của người lao động trong phạm vi quỹ lương đã được HĐQT phê duyệt từ đầu năm;
- 24.10. Đề xuất với HĐQT về: cơ cấu tổ chức, thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
- 24.11. Đề xuất với HĐQT những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;
- 24.12. Tổ chức xây dựng các quy chế quản lý, các chính sách, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá,... nhằm đảm bảo cho việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đạt được thống nhất, đồng bộ và hiệu quả cao nhất (trừ các quy chế thuộc thẩm quyền HĐQT ban hành);
- 24.13. Chuẩn bị các số liệu, nội dung công việc theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS cho chương trình ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường;
- 24.14. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết của HĐQT và quy định của pháp luật hiện hành;
- 24.15. Được quyết định và chịu trách nhiệm về các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, nhưng phải đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.

- 24.16. Chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, báo cáo cho HĐQT và ĐHĐCĐ khi được yêu cầu.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Mối quan hệ làm việc của Hội đồng quản trị

25.1. Vị trí, vai trò của Hội đồng quản trị:

- (a) HĐQT là cơ quan cơ có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ), chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- (b) Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành có tính chất bắt buộc đối với Ban TGD, Cán bộ quản lý và các bộ phận khác của Tổng Công ty.

25.2. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- (a) Quan hệ giữa HĐQT và BKS là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và kiểm soát tính tuân thủ.
- (b) HĐQT và BKS phối hợp chặt chẽ, thường xuyên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.
- (c) BKS có quyền tham dự các cuộc họp của HĐQT.
- (d) Các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các văn bản có tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành đều được gửi đến BKS.

25.3. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc:

- (a) Mối quan hệ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị doanh nghiệp và điều hành công việc hàng ngày. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, HĐQT tạo điều kiện để Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình. Tổng Giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên HĐQT thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được phân công.
- (b) Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc, HĐQT có thể trao đổi trực tiếp với Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời.
- (c) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.
- (d) Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo kịp thời với Chủ tịch HĐQT để giải quyết.

Điều 26. Mối quan hệ làm việc của Ban kiểm soát

26.1. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát:

- (a) BKS do ĐHĐCĐ bầu ra và chịu trách nhiệm trước cổ đông về kiểm soát việc ban hành, thực hiện các nghị quyết, quyết định, quy chế của HĐQT; kiểm tra,

giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

- (b) HĐQT và Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện đúng và đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

26.2. Nguyên tắc làm việc của Ban kiểm soát:

- (a) BKS chủ động phối hợp với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và phát triển Tổng Công ty.
- (b) Để thực hiện nhiệm vụ của mình, BKS có quyền yêu cầu các bộ phận liên quan cung cấp:
- Thông báo mời họp và các tài liệu liên quan đến cuộc họp HĐQT;
 - Biên bản, nghị quyết, quyết định, báo cáo của HĐQT và các quy chế, văn bản mang tính chất quản trị chung do HĐQT ban hành;
 - Các báo cáo của Tổng Giám đốc đến HĐQT;
 - Các thông tin, tài liệu, số liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Các báo cáo tài chính định kỳ;
- (c) BKS phải nêu rõ lý do trong thông báo yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin được cung cấp và trong quá trình kiểm tra, giám sát.

Điều 27. Mối quan hệ làm việc của Tổng Giám đốc

27.1. Vị trí, vai trò của Tổng Giám đốc:

- (a) Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về các quyền và nhiệm vụ được giao.
- (b) Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền quản lý, điều hành một hoặc một số chức năng, lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty cho các Cán bộ quản lý thực hiện. Các Cán bộ quản lý chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và phải liên đới chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về các phần việc được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền.

27.2. Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị:

- (a) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng các phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính trình HĐQT xem xét và phê chuẩn.
- (b) Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có những vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty, Tổng Giám đốc phải báo cáo kịp thời với HĐQT để xem xét điều chỉnh.

- (c) Trong trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty có sự thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng Giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình HĐQT xem xét quyết định.

Điều 28. Chế độ hội họp, báo cáo

- 28.1. Tổng Giám đốc phải tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Ban TGD định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và đột xuất để đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch đã giao cho các Cán bộ quản lý, triển khai công việc tiếp theo và các giải pháp để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đạt được hiệu quả tốt nhất.
- 28.2. Trong các cuộc họp của Ban TGD về tổng kết, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm hoặc các cuộc họp để chuẩn bị các kế hoạch, đề án, các nội dung liên quan trình HĐQT, Tổng Giám đốc phải mời HĐQT tham dự. Căn cứ vào nội dung cuộc họp, Chủ tịch HĐQT có thể trực tiếp tham dự hoặc cử thành viên HĐQT tham dự để chỉ đạo và phối hợp chuẩn bị nội dung.
- 28.3. Các cuộc họp của Ban TGD phải được lập thành văn bản, được gửi đến các cán bộ tham dự và được lưu giữ tại trụ sở Tổng Công ty.
- 28.4. Trong các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo với HĐQT về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính theo nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT.

Điều 29. Ủy quyền giải quyết công việc

Những nội dung công việc do HĐQT ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện thì không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Trường hợp ủy quyền lại thì phải được sự đồng ý của HĐQT. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản và được gửi đến tất cả các thành viên HĐQT và các đối tượng có liên quan.

CHƯƠNG VII**KIỂM SOÁT NỘI BỘ, NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN TỔNG CÔNG TY****Điều 30. Kiểm soát nội bộ**

- 30.1. Tổng Công ty thành lập Phòng Kiểm soát nội bộ nhằm thực hiện các mục tiêu sau:
- (a) Đảm bảo các hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ pháp luật, chế độ tài chính kế toán và các quy chế, quy trình, chính sách quản lý nội bộ của Tổng Công ty.
 - (b) Phát hiện những rủi ro trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh; đề xuất các giải pháp để phòng ngừa, cải tiến và hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
 - (c) Đảm bảo chất lượng, độ tin cậy về thông tin, dữ liệu của các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Tổng Công ty.
- 30.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của kiểm soát nội bộ:

- (a) Kiểm soát nội bộ thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy chế hoạt động của Phòng Kiểm soát nội bộ.
- (b) Báo cáo kiểm soát nội bộ được gửi đồng thời đến HĐQT và Tổng Giám đốc.

Điều 31. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý của Tổng Công ty

- 31.1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý của Tổng Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- 31.2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý của Tổng Công ty và những người liên quan với các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 31.3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý của Tổng Công ty có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan với thành viên đó theo quy định của pháp luật.
- 31.4. Tổng Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý của Tổng Công ty và những người có liên quan với các thành viên này, trừ khi ĐHCĐ có quyết định khác.
- 31.5. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan với thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định.
- 31.6. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý của Tổng Công ty và người có liên quan với các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 32. Giao dịch với người có liên quan

- 32.1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể.
- 32.2. Tổng Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Tổng Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hóa của Tổng Công ty.
- 32.3. Tổng Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng Công ty. Tổng Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 33. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty

- 33.1. Tổng Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty bao gồm: ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty.
- 33.2. Tổng Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Tổng Công ty thông qua việc:
- (a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty và đưa ra quyết định;
 - (b) Khuyến khích họ đưa ra các ý kiến về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua việc liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS, Ban TGD.
- 33.3. Tổng Công ty tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

**CHƯƠNG VIII
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH****Điều 34. Công bố thông tin thường xuyên**

- 34.1. Tổng Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Tổng Công ty. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo Điều lệ và quy chế công bố thông tin của Tổng Công ty.
- 34.2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 35. Công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty

- 35.1. Tổng Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty trong các kỳ ĐHCĐ hàng năm, báo cáo thường niên của Tổng Công ty. Nội dung tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:
- (a) Thành viên, cơ cấu của HĐQT và BKS;
 - (b) Hoạt động của HĐQT và BKS;
 - (c) Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Tổng Công ty;
 - (d) Thù lao và chi phí cho HĐQT và BKS;
 - (e) Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan với các đối tượng nói trên;

- (f) Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc đã tham gia đào tạo về quản trị công ty;
- (g) Những điểm chưa thực hiện được theo quy định của Quy chế này, nguyên nhân và giải pháp.

35.2. Tổng Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị Tổng Công ty theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cho Sở Giao dịch chứng khoán (khi niêm yết).

Điều 36. Công bố thông tin về các cổ đông lớn

36.1. Tổng Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- (a) Tên cổ đông, năm sinh (cổ đông cá nhân);
- (b) Địa chỉ liên lạc;
- (c) Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức);
- (d) Số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu trong Tổng Công ty;
- (e) Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn;
- (f) Những thông tin có thể dẫn đến sự thay đổi lớn về cổ đông của Tổng Công ty;
- (g) Tình hình tăng, giảm cổ phiếu và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Tổng Công ty của các cổ đông lớn;

36.2. Tổng Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cho Sở Giao dịch chứng khoán (khi niêm yết).

Điều 37. Tổ chức công bố thông tin

37.1. Tổng Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- (a) Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn;
- (b) Đồng thời bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin.

37.2. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Tổng Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.

37.3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:

- (a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- (b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- (c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của cổ đông và các vấn đề quản trị Tổng Công ty theo quy định;

- (d) Chịu trách nhiệm về công bố thông tin của Tổng Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 38. Bảo mật thông tin

Nếu không có sự đồng ý của HĐQT hoặc Ban TGD Tổng Công ty thì không một thành viên nào của BKS, Cán bộ quản lý được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Tổng Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

- 38.1. Công ty con của Tổng Công ty;
- 38.2. Các cổ đông theo quy định tại Điều lệ hoặc được quyết định của ĐHCĐ;
- 38.3. Cán bộ quản lý và nhân viên của Tổng Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác;
- 38.4. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua cổ phần của Tổng Công ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác;
- 38.5. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của luật pháp, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo yêu cầu của tòa án, thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG IX CƠ CHẾ GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 39. Giám sát

Tổng Công ty, các cổ đông Tổng Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi niêm yết) và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 40. Xử lý vi phạm

- 40.1. Trong trường hợp Tổng Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định sẽ phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 40.2. Các trường hợp vi phạm khác, căn cứ theo nội quy lao động và các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Tổng Công ty để xử lý. Việc xử lý vi phạm phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ và các quy định nội bộ khác.

CHƯƠNG X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Tổ chức thi hành

- 41.1. HĐQT, BKS, Ban TGD Tổng Công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.
- 41.2. BKS chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

Điều 42. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung thì HĐQT sẽ xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung theo trình tự được quy định tại Điều lệ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHONG PHÚ
QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH
TRẦN QUANG NGHỊ

